

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 17-01-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Tuấn Vĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Oanh.

Ông Nguyễn Hồng Diện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1983; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H1, sinh năm: 1989; vắng mặt lần 2 không có lý do;

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và vợ anh là Vũ Thị H1 được cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 03/4/2010 tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại thôn B, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, sau đó do tính chất công việc vợ chồng anh cùng đi làm ăn xa nhà, khi được nghỉ vào các ngày lễ, ngày tết, công việc gia đình hai vợ chồng anh lại về ở cùng bố mẹ anh tại thôn B, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm, đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ

chồng cãi chửi nhau, vợ chồng đều đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà và hiện nay vợ anh đi làm ở đâu không cho anh biết địa chỉ cụ thể. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau, do vậy anh làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung, tên là Nguyễn Việt H2, sinh ngày 01/6/2010, hiện cháu H2 đang ở cùng chị H1. Khi ly hôn nguyện vọng của anh muốn được trực tiếp nuôi cháu, tuy nhiên do cháu đang ở cùng chị H1, nên anh đề chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị H1 vắng mặt, chị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi chị H1 cư trú, anh H cũng đã liên lạc qua điện thoại cho chị H1, thông báo cho chị H1 việc Tòa án đã thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa anh H và chị H1 nhưng chị H1 vẫn che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của anh H, trưởng thôn, Hội liên hiệp phụ nữ, UBND xã nơi anh H, chị H1 cư trú phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H1 như sau: Anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, anh H và chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xung đột, cãi chửi nhau, anh H và chị H1 đều đi làm ăn xa nhà, quá trình làm ăn xa nhà, anh H và chị H1 đến ngày lễ, tết, có công việc gia đình thì anh chị mới về thăm nhà và ở một vài hôm rồi lại đi làm, hiện chị H1 không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về gia đình và chị H1 đi đâu, làm gì không báo cáo chính quyền địa phương, còn anh H vẫn thỉnh thoảng về thăm gia đình, vợ chồng anh H và chị H1 đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng anh H, chị H1 không còn quan tâm đến nhau; về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt H2, sinh ngày 01/6/2010, hiện cháu H2 đang ở cùng chị H1.

Tại phiên toà hôm nay, anh H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh có trình bày rõ anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Vũ Thị H1; về con chung: Khi ly hôn nguyện vọng của anh muốn được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Việt H2, sinh ngày 01/6/2010, tuy nhiên do cháu đang ở

cùng chị H1, nên anh để chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn chị Vũ Thị H1, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với chị Vũ Thị H1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt H2, sinh ngày 01/6/2010 cho chị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vũ Thị H1 có nơi cư trú là thôn B, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án anh H đều thông báo qua điện thoại cho chị H1 nhưng chị H1 vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc anh H yêu cầu ly hôn, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai

văn bản tố tụng đối với chị H1 theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị Vũ Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị H1. Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 03/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống anh H và chị H1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, hai vợ chồng mỗi người sống một nơi, hai bên không còn có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị H1 nhưng chị H1 vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh H. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh của Tòa án thể hiện do vợ chồng anh H chị H1 bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị H1 đi làm ăn xa không thông báo địa chỉ cụ thể cho gia đình và chính quyền xã nơi chị H1 cư trú, thời gian anh H và chị H1 sống ly thân đã lâu, chị H1 không quan tâm cuộc sống hôn nhân. Anh H xác định không còn tình cảm với chị H1, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[5] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt H2, sinh ngày 01/6/2010. Tòa án đã yêu cầu anh Nguyễn Văn H đưa cháu Nguyễn Việt H2 đến Tòa án để lấy lời khai, tuy nhiên chị H1 đi làm ăn xa nhà và đem con theo, chị H1 không hợp tác với anh H đưa con đến Tòa án, chị H1 đi đâu không cho gia đình và địa phương biết, do đó Tòa án không lấy được lời khai của cháu H2. Theo quy định thì nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, theo quy định tại Điều 214, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc không lấy được lời khai của các con không phải là căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Do vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để xem xét, quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng con.

[6] Hội đồng xét xử xét về điều kiện nuôi con của các bên thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Việt H2 đang do chị H1 trực tiếp nuôi, anh chị đều là lao động tự do, cháu H2 đang ở cùng chị H1, thỉnh thoảng anh H vẫn gặp con và anh thấy rằng, cháu H2 ở với chị H1 được chăm sóc tốt, anh H cũng không muốn chia rẽ tình cảm của hai mẹ con, nên anh H nhất trí để chị H1 là người trực tiếp nuôi cháu H2. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung và đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của cháu H2, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu H2 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh H có nguyện vọng không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H1 đã được anh H thông báo về việc Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo yêu cầu khởi kiện của anh nhưng chị H1 không trình bày ý kiến, không có bất kỳ phản hồi nào cũng không đến tham gia tố tụng, do đó không có cơ sở để Tòa án xem xét, giải quyết. Vì quyền lợi của con chung anh H, chị H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật trong vụ án khác.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H. Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Vũ Thị H1.

Về nuôi con chung: Chị Vũ Thị H1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Việt H2, sinh ngày 01/6/2010 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị H1, anh H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về Án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0003046, ngày 04/10/2021.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Vinh (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

**Hà Tuấn Vĩnh**